

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC) số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị quyết số 99/2019/QH14, ngày 27/11/2019 về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật PCCC số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC;

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC;

Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH14 của Quốc hội;

Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành.

2. Tính cấp thiết

2.1. Tình hình cháy, nổ và thực tiễn lực lượng PCCC và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh

a) Tình hình cháy, nổ trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua diễn biến rất phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số vụ, tính chất và hậu quả. Theo thống kê, từ năm 2015 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 338 vụ cháy, làm chết 06 người, bị thương 29 người, thiệt hại trực tiếp do cháy, nổ gây ra ước tính khoảng 132 tỷ đồng (*năm 2015: xảy ra 36 vụ; năm 2016: xảy ra 46 vụ; năm 2017: xảy ra 23 vụ; năm 2018: xảy ra 38 vụ; năm 2019: xảy ra 112 vụ; năm 2020: xảy ra 63 vụ; 6 tháng đầu năm 2021: xảy ra 20 vụ*).

b) Thực tiễn lực lượng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ và vai trò của lực lượng dân phòng

Điểm 2.6.13 QCVN 01:2019/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng) quy định công trình phòng cháy, chữa cháy: (1) Phải bố trí mạng lưới trụ sở các đội Cảnh sát PCCC với bán kính phục vụ tối đa là 3 km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với các khu vực khác; Đối với các khu vực đô thị hiện hữu không đảm bảo bán kính phục vụ của các đội Cảnh sát PCCC phải có giải pháp tính toán cân đối, bố trí quỹ đất bổ sung hoặc bổ sung các trụ sở trên trong các dự án khu đô thị mới. (2) Vị trí đặt trụ sở các đội Cảnh sát PCCC phải đảm bảo xe và phương tiện chữa cháy ra vào an toàn, nhanh chóng. (3) Đường giao thông phục vụ chữa cháy phải tuân thủ yêu cầu tại QCVN 06:2019/BXD. Tuy nhiên, hiện nay lực lượng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh được thành lập 03 đội khu vực phụ trách 13 huyện, thị xã, thành phố; địa bàn quản lý quá rộng nên công tác nhận tin, điều động lực lượng, phương tiện đến những nơi xảy ra cháy ở xa trụ sở đóng quân không kịp thời. Lực lượng dân phòng được thành lập tại cơ sở, là lực lượng tiếp nhận, xử lý tin báo cháy ban đầu, kịp thời triển khai lực lượng, phối hợp với Nhân dân ngăn chặn cháy lớn, cháy lan, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, nhất là những nơi xa trụ sở đóng quân của Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ.

2.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND)

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND, ngày 17/11/2016 về Đề án Xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND). Thực hiện Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND

và Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập 792 đội dân phòng với 10.051 thành viên¹; tất cả các đội dân phòng được thành lập đều ban hành quy chế, chương trình hoạt động, quy định chế độ trực, chế độ sinh hoạt định kỳ. Hằng năm, tiến hành rà soát, kiện toàn phù hợp với thực tế tại địa phương; qua đó, lực lượng dân phòng đã tham gia chữa cháy trên 250/338 vụ; phối hợp với Nhân dân phát hiện, dập tắt hàng trăm vụ cháy nhỏ và tham gia chữa cháy khi có yêu cầu của cơ quan chức năng. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND (hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng đội dân phòng bằng 30% mức lương cơ sở/người/tháng, Đội phó đội dân phòng bằng 25% mức lương cơ sở/người/tháng), đến nay Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã hỗ trợ số tiền hơn 05 tỷ đồng (*Thị xã Đức Phổ đã hỗ trợ: 2.061.000.000đ; thành phố Quảng Ngãi đã hỗ trợ: 321.178.000đ; huyện Nghĩa Hành đã hỗ trợ: 629.458.000đ; huyện Sơn Hà đã hỗ trợ: 349.540.000đ; huyện Sơn Tịnh đã hỗ trợ: 274.148.899đ; huyện Mộ Đức đã hỗ trợ: 784.900.000đ; huyện Trà Bồng đã hỗ trợ: 392.810.000đ; huyện Lý Sơn đã hỗ trợ: 35.000.000đ*)... Tuy nhiên, việc hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng chưa được các cấp, các ngành thực sự quan tâm, một số nơi chưa thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ dẫn đến hoạt động không thực sự hiệu quả, kết quả tham gia công tác PCCC chưa cao...

2.3. Văn bản quy phạm pháp luật quy định về hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành có sự thay đổi

Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND được xây dựng trên cơ sở các quy định tại: (1) khoản 2 Điều 35 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (*Nghị định số 79/2014/NĐ-CP*); (2) khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành (*Thông tư số 56/2014/TT-BCA*).

Hiện nay, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Thông tư số 56/2014/TT-BCA được thay thế bởi Thông tư số 150/2020/TT-BCA. Do đó, việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản mới để thay thế Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND là cần thiết.

2.4. Quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân

¹ Thành phố Quảng Ngãi: 193 đội, 1.900 thành viên; Bình Sơn: 101 đội, 1.212 thành viên; Sơn Tịnh: 31 đội, 420 thành viên; Tư Nghĩa: 35 đội, 473 thành viên; Nghĩa Hành: 83 đội, 1.0795 thành viên; Mộ Đức: 69 đội, 893 thành viên; Đức Phổ: 83 đội, 1.143 thành viên; Ba Tơ: 93 đội, 1.432 thành viên; Sơn Tây: 06 đội, 75 thành viên; Minh Long: 31 đội, 465 thành viên; Sơn Hà: 23 đội, 329 thành viên; Trà Bồng: 38 đội, 570 thành viên; Lý Sơn: 06 đội, 60 thành viên.

phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

Nghị quyết số 99/2019/QH14 quy định “Trong công tác PCCC, lấy phòng ngừa là chính; tập trung chỉ đạo xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC sâu rộng, với phương châm “bốn tại chỗ” (lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ và hậu cần tại chỗ), nòng cốt là lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành...” (Mục 3 Điều 2). “Bảo đảm ngân sách nhà nước cho hoạt động PCCC và lực lượng Cảnh sát PCCC ở các cấp ngân sách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện quy định về hỗ trợ thường xuyên cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng và đội PCCC cơ sở không chuyên trách” (Mục 7 Điều 2).

Điểm d mục 7 Phần II Quyết định 630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu Hội đồng nhân dân cùng cấp khẩn trương ban hành theo thẩm quyền mức chi ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH; mức chi hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng (thực hiện từ năm 2020 và những năm tiếp theo)”.

Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ vào tình hình thực tế từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng”.

Từ những căn cứ pháp lý và tính cấp thiết nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh nhằm tiếp tục xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng dân phòng thực sự là tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng của cộng đồng dân cư, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân PCCC ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu công tác PCCC và CNCH trong thời gian đến, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị quyết 99/2019/QH14 của Quốc hội, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ; Quyết định 630/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an ... nhằm tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC trên địa bàn tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân các cấp; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên tắc áp dụng

Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Công an tỉnh đã triển khai lấy ý kiến các sở; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Website Công an tỉnh để lấy ý kiến. Xây dựng Báo cáo số về tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số/BC-STP ngày/5/2022 và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm: 05 Điều, gồm: Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng), Điều 2 (Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng), Điều 3 (Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng), Điều 4 (Nguồn kinh phí thực hiện), Điều 5 (Tổ chức thực hiện), Điều 6 (Hiệu lực thi hành), với các nội dung chính như sau:

1. Về mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh

- Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “*Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ vào tình hình thực tế từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng*”.

- Tham khảo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tại khoản 2 Điều 1 quy định “*2. Đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ:*

a) *Đội trưởng Đội dân phòng được hưởng định mức hỗ trợ hàng tháng bằng hệ số là 0,2 mức lương tối thiểu vùng.*

b) *Đội phó Đội dân phòng được hưởng định mức hỗ trợ hàng tháng bằng hệ số là 0,15 mức lương tối thiểu vùng*”.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và tham khảo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh như sau: **Đội trưởng đội dân phòng bằng 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng. Đội phó đội dân phòng bằng 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng.**

Điều 3 Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì vùng III mức lương tối thiểu vùng là 3.430.000 đồng/tháng, vùng IV mức lương tối thiểu vùng là 3.070.000 đồng/tháng. Theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP thì vùng III gồm các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi, vùng IV gồm các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Ba Tơ, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Lý Sơn và thị xã Đức Phổ. Như vậy:

+ Tại vùng III (các đội dân phòng tại các thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi): Chức danh Đội trưởng đội dân phòng hàng tháng được nhận hỗ trợ số tiền: $3.430.000đ \times 0,2 = 686.000đ$; Chức danh Đội phó đội dân phòng hàng tháng được nhận hỗ trợ số tiền: $3.430.000đ \times 0,15 = 514.500đ$.

+ Tại vùng IV (các đội dân phòng tại các thôn, tổ dân phố thuộc các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Ba Tơ, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Lý Sơn và thị xã Đức Phổ): Chức danh Đội trưởng đội dân phòng hàng tháng nhận hỗ trợ số tiền: $3.070.000đ \times 0,2 = 614.000đ$; Chức danh Đội phó đội dân phòng hàng tháng nhận hỗ trợ số tiền: $3.070.000đ \times 0,15 = 460.500đ$.

- Điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: “2. **Bố trí lực lượng dân phòng: a) Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó**; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm 01 đội phó. **Đội dân phòng có thể chia thành các tổ dân phòng; biên chế các tổ dân phòng từ 05 người đến 09 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó**”.

Căn cứ tình hình cháy nổ và điều kiện thực tiễn kinh tế - xã hội, ngân sách của tỉnh; đề xuất thống nhất các “**Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó**”. Việc thành lập các đội dân phòng được thực hiện theo từng năm, trong giai đoạn 2022 – 2025, theo đó dự kiến thành lập mới 226 đội dân phòng ở các thôn, tổ dân phố, đảm bảo đến năm 2025 thành lập 954 đội dân phòng/954 thôn, tổ dân phố theo quy định.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2022 – 2025 với tổng số tiền: **48.208.170.000đ** (Bốn mươi tám tỷ hai trăm lẻ tám triệu một trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể: năm 2022: **11.584.692.000đ**; năm 2023: **11.564.666.000đ**; năm 2024: **12.258.632.000đ**; năm 2025: **12.800.180.000đ**. Từ năm 2026, mỗi năm dự kiến ngân sách chi hỗ trợ số tiền là **12.800.180.000đ/năm**.

(Có Báo cáo tác động gửi kèm theo)

2. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, một đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với danh mục, số lượng sau:

** Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an (khoản 1 Điều 4), gồm:*

TT	Phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng	Số tiền dự kiến (Đồng)
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04kg	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất	300.000 đ/bình x 5 = 1.500.000
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất	400.000 đ/bình x 5 = 2.000.000
3	Đèn pin (độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4)	Chiếc	02	Hòng thay thế	1.500.000 đ/chiếc x 2 = 3.000.000
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu cacbon cường độ cao)	Chiếc	01	Hòng thay thế	300.000 đ/chiếc x 1 = 300.000
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100cm)	Chiếc	01	Hòng thay thế	200.000 đ/chiếc x 1 = 200.000
6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 05kg cán dài 50cm)	Chiếc	01	Hòng thay thế	600.000 đ/chiếc x 1 = 600.000
7	Kìm cộng lực (dài 60cm, tải cắt 60kg)	Chiếc	01	Hòng thay thế	400.000 đ/chiếc x 1 = 400.000
8	Túi sơ cứu loại A (theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế)	Túi	01	Hòng thay thế	1.600.000 đ/túi x 1 = 1.600.000

9	Cáng cứu thương (kích thước 186cm x 51cm x 17cm; tải trọng 160kg)	Chiếc	01	Hồng thay thế	800.000 đ/chiếc x 1 = 800.000
10	Tổng tiền:				10.400.000

(Số tiền bằng chữ: Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)

* Trang bị thêm danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (khoản 2, 3 Điều 4), gồm:

TT	Phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng	Số tiền dự kiến (Đồng)	Ghi chú
1	Quần, áo chữa cháy	Bộ	15	Hồng thay thế	1.900.000đ/bộ x 15 = 28.500.000	Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân
2	Mũ chữa cháy	Cái	15	Hồng thay thế	820.000 đ/chiếc x 15 = 12.300.000	
3	Găng tay chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	760.000 đ/đôi x 15 = 11.400.000	
4	Ủng chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	1.200.000 đ/đôi x 15 = 18.000.000	
5	Khẩu trang chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	80.000 đ/chiếc x 15 = 1.200.000	
6	Dây cứu người	Cuộn	02	Hồng thay thế	3.500.000 đ/cuộn x 02 = 7.000.000	Phương tiện cứu người
7	Tổng tiền				78.400.000	

(Số tiền bằng chữ: Bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

* Ghi chú: Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân được trang bị theo số lượng thực tế của thành viên từng đội dân phòng.

* **Tổng số tiền dự kiến trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng trên địa bàn tỉnh là: 10.400.000 + 78.400.000 = 88.800.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).**

3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nghị định 136/2020/NĐ-CP quy định:

- Nguồn tài chính cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được sử dụng cho các nội dung: ... b) **Hỗ trợ hoạt động của lực lượng dân phòng**, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành” (Điểm b khoản 1 Điều 47).

- Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đơn vị khác thụ hưởng ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 48). Nội dung chi cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy của Ủy ban nhân dân các cấp bao gồm: ... b) *Hoạt động thường xuyên của lực lượng dân phòng; hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; c) Mua sắm thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở thuộc cơ quan tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước*” (Điểm b, c khoản 4 Điều 48).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau đây: ... d) *Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy; trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy*” (Điểm d khoản 1 Điều 52). Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau: ... d) *Đầu tư kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy; trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho các đội dân phòng theo quy định;* (Điểm d khoản 2 Điều 52).

b) Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định *kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng được thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 48 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 29², khoản 2 Điều 42³ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.*

² Điều 29. Trang bị, quản lý và sử dụng phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy

1. Trang bị phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ:

a) Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được trang bị phương tiện, thiết bị, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ và trang phục chuyên dùng phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ;

b) Phương tiện, thiết bị, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, cơ sở do cơ quan, tổ chức, cơ sở trang bị phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động, sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của công tác cứu nạn, cứu hộ tại cơ quan, tổ chức, cơ sở;

c) *Phương tiện, thiết bị, dụng cụ cứu nạn, cứu hộ của lực lượng dân phòng do Ủy ban nhân dân cấp xã trang bị phù hợp với tính chất, đặc điểm về địa lý, sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt và yêu cầu của công tác cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý.*

³ Điều 42. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

...2. Chỉ đạo việc tổ chức lực lượng cứu nạn, cứu hộ; đầu tư kinh phí trang bị phương tiện cứu nạn, cứu hộ và duy trì hoạt động của lực lượng cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

c) Căn cứ quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an. Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Điều 19), Luật Ngân sách nhà nước⁴, đồng thời kế thừa quy định về nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng được quy định tại Điều 4 Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa XII) và mục III Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020 và để bảo đảm cân đối ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tiếp tục quy định nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện PCCC cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh do ngân sách địa phương bảo đảm, tiếp tục thực hiện như Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa XII) và Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đối với nguồn lực về con người để bảo đảm thi hành Nghị quyết

Khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Công an tỉnh tham mưu, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành rà soát, kiện toàn và đề xuất thành lập đội dân phòng theo mục tiêu đã đề ra, ưu tiên thành lập trước các đội dân phòng ở các tổ dân phố, thôn tập trung đông dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành viên đội dân phòng, đảm bảo yêu cầu PCCC tại cơ sở trong tình hình mới.

2. Đối với nguồn lực về tài chính để đảm bảo thi hành Nghị quyết

Từ nguồn ngân sách địa phương.

VII. VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CÓ LIÊN QUAN: không

* Tài liệu gửi kèm theo gồm:

⁴ Điều 9. Nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách

1. Ngân sách trung ương, ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể.

2. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật này.

3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

- Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo đánh giá tác động đối với Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo của Công an tỉnh tổng hợp ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị;

- Báo cáo thẩm định số ngày /2022 của Sở Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện PCCC và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Báo cáo của Công an tỉnh giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

